

Số: **4938** /QĐ-SYT

Lai Châu, ngày **27** tháng **12** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị dự toán trực thuộc Sở Y tế năm 2018

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 10/09/2008 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Y tế.

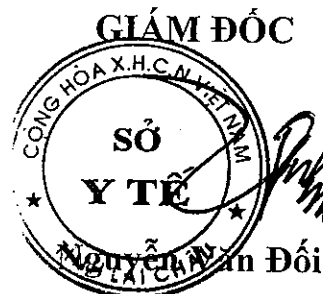
(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 được giao, Thủ trưởng các đơn vị dự toán tổ chức triển khai thực hiện và thanh quyết toán theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Sở Y tế, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế và Thủ trưởng các đơn vị dự toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Dub*

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở; (Báo cáo)
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch; (Gửi qua ĐVSDNS)
- Lưu: VT, KH -TC.



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Than Uyên

Mã số: 1065696

Mã KBNN nơi giao dịch: 3165

(Kèm theo Quyết định số: 3338/QĐ-SYT ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Sở Y tế tỉnh Lai Châu)



Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Mã loại, khoản	Mã Chương trình mục tiêu	Mã nguồn	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				31.956.000.000
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				31.956.000.000
1.1	Bệnh viện	130.132			12.878.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (1)			13	10.841.000.000
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>			14	40.000.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (2)			12	2.037.000.000
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>			14	32.000.000
1.2	Phòng khám đa khoa khu vực	130.132			2.793.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (3)			13	2.793.000.000
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>			14	10.000.000
1.3	Trạm Y tế xã, phường, thị trấn	130.132			8.505.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (4)			13	8.145.000.000
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>			14	28.000.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (5)			12	360.000.000
1.4	Đội Y tế dự phòng	130.131			4.898.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (6)			13	4.898.000.000
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>			14	20.000.000
1.5	Nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản	130.139			1.739.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (7)			12	1.739.000.000
1.6	Đề án Methadone (Cơ sở điều trị, cơ sở cấp phát thuốc Methadone)	130.139			1.143.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (8)			12	1.143.000.000

Ghi chú: SỐ

(1) Bao gồm: KP chi lương, phụ cấp có tính chất lương, các khoản đóng góp theo quy định: 7.778.000.000 đồng; KP chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên: 2.000.000.000 đồng; KP phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW ngày 24/6/2008: 26.000.000 đồng; KP hoạt động công tác đảng: 25.000.000 đồng; KP tiền lương cán bộ hợp đồng có thời hạn: 1.012.000.000 đồng.

(2) Bao gồm: KP thuê hút bẻ phốt bệnh viện: 90.000.000 đồng; KP thuê ngoài kiểm trang thiết bị y tế: 90.000.000 đồng; KP đo, quan trắc, phân tích môi trường và kinh phí thuê lập báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường: 357.000.000 đồng; KP mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị y tế: 500.000.000 đồng; KP sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà bệnh viện (khu nhà nhận lại của Trung tâm giáo dục thường xuyên): 1.000.000.000 đồng.

(3) Bao gồm: KP theo định mức: 378.000.000 đồng; KP lương, phụ cấp có tính chất lương và các khoản đóng góp theo quy định: 2.357.000.000 đồng; KP tiền lương cán bộ hợp đồng có thời hạn: 58.000.000 đồng.

(4) Bao gồm: KP theo định mức: 1.113.000.000 đồng; KP lương, phụ cấp có tính chất lương và các khoản đóng góp theo quy định: 6.970.000.000 đồng; KP tiền lương cán bộ hợp đồng có thời hạn: 62.000.000 đồng.

(5) Bao gồm: KP bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế: 100.000.000 đồng; KP đo, quan trắc phân tích môi trường 10 trạm y tế: 260.000.000 đồng.

(6) Bao gồm: KP theo định mức: 810.000.000 đồng; KP lương, phụ cấp có tính chất lương và các khoản đóng góp theo quy định: 3.978.000.000 đồng; KP tiền lương cán bộ hợp đồng có thời hạn: 110.000.000 đồng.

(7) Bao gồm: KP phụ cấp nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản (166 NVYTĐB, 57CĐTB): 1.739.000.000 đồng.

(8) Bao gồm: KP thực hiện Đề án triển khai điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone: 1.143.000.000 đồng